

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Chính trị học, Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI HẢI ĐĂNG

2. Ngày tháng năm sinh: 25/08/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Chí Hòa, Hưng Hà, Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 134/1/3B Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ: 134/1/3B Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0982896689; E-mail: haidangbui@hcmussh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

•Từ tháng 05/2018 đến nay: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Chính trị quốc tế, Trưởng Khoa Quan hệ quốc tế, Giám đốc Trung tâm Hàn Quốc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP. HCM.

•Từ tháng 12/20012 đến tháng 05/2018: Giảng viên, Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP. HCM.

•Từ tháng 08/2006 đến tháng 12/2012: Giảng viên, Phó Trưởng Khoa Quan hệ quốc tế, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP. HCM.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Khoa, Giám đốc Trung tâm; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP. HCM.

Địa chỉ cơ quan: 10-12, Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.

Điện thoại cơ quan: (84-28) 38293828

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Sài Gòn, Trường ĐH Mở TP.HCM...

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 07 tháng 01 năm 2002; số văn bằng: XB.02051/71KH2; ngành: Đông phương học; chuyên ngành: Úc học; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP. HCM, Việt Nam.
- Được cấp bằng ĐH (Văn bằng 2) ngày 29 tháng 01 năm 2019; số văn bằng: 285588; ngành Chính trị học; Nơi cấp bằng ĐH: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 07 năm 2006; số văn bằng: WSIE/5250/EC/3/05/06; ngành: Châu Âu học; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Jagiellonian, Krakow, Cộng hòa Ba Lan.
- Được cấp bằng TS ngày 02 tháng 07 năm 2014; số văn bằng: 06165/33KH2/2013; ngành: Văn hóa học; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP. HCM, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP. HCM.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Triết học - Chính trị học - Xã hội học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lý luận về hội nhập khu vực và chủ nghĩa khu vực ở châu Âu.
- Quan hệ quốc tế ở châu Âu và châu Á-Thái Bình Dương.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn **04** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành **03** đề tài NCKH: 01 cấp ĐHQG/cấp Bộ; 02 cấp cơ sở.
- Đã công bố **34** bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy thuộc ISI/Scopus, 04 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo (02 quốc tế, 02 quốc gia); và 03 chương sách (02 quốc tế và 01 quốc gia).
- Đã được cấp (số lượng) ... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **04** ấn phẩm, trong đó 04 ấn phẩm thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

- Chủ trì và tham gia dịch các ấn phẩm khoa học:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- 2022: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (QĐ số 609/TTg ngày 19/05/2022); Bằng khen của Bộ GD&ĐT (QĐ số 3685/QĐ-BGDĐT) ngày 14/11/2022); Chiến sĩ thi đua cấp Bộ GD&ĐT (QĐ số 326/QĐ-BGDĐT ngày 21/02/2022)

- 2020: Bằng khen của ĐHQG-HCM (QĐ số 1131/QĐ-ĐHQG ngày 09/09/2020)

- 2018: Bằng khen của ĐHQG-HCM (QĐ số 1225/QĐ-ĐHQG ngày 10/10/2018); Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG (QĐ số 1224/QĐ-ĐHQG ngày 10/10/2018); Bằng khen của Bộ GD&ĐT (QĐ số 1613/QĐ-BGDĐT ngày 23/4/2018).

- 2016: Bằng khen của ĐHQG-HCM (QĐ số 1120/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 17/10/2016); Chiến sĩ thi đua Bộ GD&ĐT (QĐ số 1949/QĐ-BGDĐT ngày 09/06/2016).

- 2015: Bằng khen của Bộ GD&ĐT (QĐ số 1566/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 15/05/2015); Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG (QĐ số 1646/QĐ-ĐHQG ngày 15/12/2015).

- 2014: Bằng khen của ĐHQG-HCM 2014 (QĐ số 1110/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 09/10/2014).

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm: 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Ứng viên tự nhận thấy có khả năng nắm vững kiến thức chuyên môn trong công tác giảng dạy chuyên ngành;

- Có kinh nghiệm quản lý chuyên môn với tư cách là Trưởng Bộ môn, Trưởng khoa, Giám đốc trung tâm nghiên cứu và đã tham gia xây dựng các chương trình đào tạo đại học và sau đại học;

- Ứng viên có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện các nhiệm vụ khoa học: đã chủ trì các đề tài cấp cơ sở, cấp ĐHQG-HCM, và đang tham gia đề tài Nafosted; đã hướng dẫn thành công các luận văn Thạc sĩ và các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên;

- Ứng viên đã công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín, đồng thời xuất bản các ấn phẩm chuyên khảo và sách tham khảo phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Có khả năng vận dụng các kết quả nghiên cứu vào việc giảng dạy và thiết lập các môn học mới;

- Ứng viên đã có cơ hội tham gia trao đổi và tiếp xúc với các hoạt động học thuật quốc tế;

- Ứng viên đã thực hiện vượt mức và hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học do cơ sở đào tạo phân công.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 17 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018			0		60	30	90/105/67,5
2	2018-2019			0		105	185	290/321/67,5
3	2019-2020			0		90	195	285/339,5/67,5
03 năm học cuối								
4	2020-2021	x		2		60	200	260/357/67,5
5	2021-2022	x		2		90	180	270/338,5/67,5
6	2022-2023	x		2		120	150	270/348/162

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS năm 2006, luận án TS năm ... và Postdoc năm ..., tại nước: Poland.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Quan hệ quốc tế, Trường ĐH KH&NV, ĐHQG-HCM.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lê Văn Mạnh		x	x		2018-2020	Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HN	14/01/2021
2	Nguyễn Đăng Hiền Phương		x	x		2018-2020	Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM	15/06/2021
3	Nguyễn Ngọc Xuân Thu		x	x		2018-2020	Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM	10/05/2022
4	Trần Thị Lan Anh		x	x		2020-2022	Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM	09/12/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên: 05

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Bản sắc cộng đồng của Liên minh châu Âu – Những vấn đề lý luận và thực tiễn.	CK	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018	1	Chủ biên	Cả quyển	Xác nhận số 50/GXN-KHNV-TV
2	Korean Studies: Vietnam-Korea Strategic Cooperative Partnership 2009-2019	TK	ĐHQG-HCM, 2019	4	Tham gia	17-35	Xác nhận số 50/GXN-KHNV-TV
3	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu	TK	ĐHQG-HCM, 2023	3	Tham gia	7-12, 27-55	Xác nhận số 50/GXN-KHNV-TV

	(EVFTA): Một số vấn đề lý luận và thực tiễn						
4	Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc trong lĩnh vực công nghệ cao.	TK	ĐHQG-HCM, 2023	3	Chủ biên	7-11, 74-87	Xác nhận số 50/GXN-KHNV-TV

Trong đó: 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản [1] và một số sách, chương sách tham khảo do nhà xuất bản có uy tín mà ứng viên là chủ biên và tham gia sau TS: [2], [3], [4].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu: 03

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
	ĐT: Biên soạn tài liệu môn học An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế	CN	Cấp trường	2010-2011	21/4/2011 Tốt
II	Sau khi được công nhận TS				
1	ĐT: Hợp tác hàng hải Mỹ - ASEAN trên Biển Đông giai đoạn 2009-2016	CN	TC 2019 – 05, Cấp Trường	2018-2019	26/03/2020 Tốt
2	ĐT: Chủ nghĩa khu vực ở châu Âu: Những vấn đề lý luận và thực tiễn	CN	C2018-1b-02, Cấp ĐHQG	2018-2020	30/03/2021 Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố: 36 bài

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Một số quan điểm về bản sắc châu Âu	1	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			6(81) tr.56-63	2007
2	Những khác biệt văn hóa giữa châu Âu với Bắc Mỹ và ảnh hưởng của nó đến phát triển thương mại	1	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			8(83), tr.17-26	2007
3	Defining Europe as a cultural reality and its unity in diversity	1	x	<i>European studies Review</i> ISSN: 0868-3581			1(09), tr.51-62	2008
4	More debate on building the EU identity	1	x	<i>European studies Review</i> ISSN: 0868-3581			1(10), tr.90-97	2009
5	Cơ sở văn hóa, lịch sử của bản sắc châu Âu	1	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			9 (120), tr.59-68	2010
6	Văn hóa Mỹ ở châu Âu	1	x	<i>Tạp chí Văn hóa nghệ thuật</i> ISSN: 0866-8655			327, tr.60-64	9, 2011
7	EU và bản sắc châu Âu	1	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			5 (140), tr.16-26	2012
8	Bàn về đường biên giới phía Đông của EU từ góc nhìn văn hóa chính trị	1	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			12 (147), tr.38-51	2012
Chương sách								
9	Images and Perceptions of the EU in Vietnam :	3		<u>Chương sách quốc tế:</u> “The EU through the eyes of Asia – Volume			Tr.53-92	2009

	Media, Elite and Public Opinion Perspectives			<i>II : New cases and new findings</i> ”, Natalia Chanban, Martin Holland, Peter Ryan, World Scientific Publishing ISBN: 9789814289819/9814289817				
II	Sau khi được công nhận TS							
<i>Bài báo khoa học</i>								
10	Human Security, non-traditional security: concepts and practices in Vietnam	1	x	<i>European studies Review</i> ISSN: 0868-3581			1(15), tr.35-38	2014
11	Cơ sở văn hóa của chủ nghĩa khu vực ở Tây Âu	1	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			1 (172), tr.64-69	2015
12	Xây dựng bản sắc thông qua chính sách văn hóa – giáo dục: kinh nghiệm của Liên minh châu Âu	2		<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			3 (174), tr.49-56	2015
13	Nhận định về quan hệ Hoa Kỳ với các nước châu Âu, Trung Đông qua chuyến công du đầu tiên của Tổng thống D. Trump (19-27/5/2017)	2	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			6 (201), tr.3-12	2017
14	Từ cuộc khủng hoảng ngoại giao Qatar nhìn về chiến lược “tối đa hóa các lựa chọn” của Tổng thống Mỹ D.Trump	2	x	<i>Tạp chí Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông</i> ISSN: 1859-0519			7(143) , tr.3-11	7, 2017
15	Quan hệ Mỹ - Nhật Bản sau chuyến thăm chính thức châu Á của Tổng thống D. Trump tháng 11/2017	2	x	<i>Tạp chí Châu Mỹ ngày nay</i> ISSN: 2354-0745			2(239) , tr.16-25	2018
16	Vài đặc điểm chính của chủ nghĩa khu vực từ sau chiến tranh Lạnh	2	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			4(223) , tr.63-72	2019

17	Những nhân tố tác động đến xu hướng liên kết của EU hậu Brexit trong trung hạn (2019-2025)	2	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			6(225), tr.61-73	2019
18	ASEAN trong chính sách Ấn Độ - Thái Bình Dương mới dưới thời Tổng thống Donald Trump	2	x	<i>Tạp chí Châu Mỹ ngày nay</i> ISSN: 2354-0745			6(255), tr.23-34	2019
19	Quan hệ Việt Nam - Đức: Một số điểm nhấn và triển vọng	2	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			10(229), tr.3-15	2019
20	Assessment of visitors's satisfaction and intention to revisit of Bukcheon Iceland Poppy Festival in Hadong County, South Korea.	4		<i>Journal of People, Plants, and Environment</i> Print ISSN: 2508-7673 Online ISSN: 2508-7681 DOI: https://doi.org/10.11628/ksppe.2019.22.6.629	Scopus (Q.3) https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21101038722&tip=sid&clean=0		Vol.22, No.6: tr.629-639	12, 2019
21	Triển vọng quan hệ liên Triều qua các lần hội nghị thượng đỉnh	2	x	<i>Tạp chí Hàn Quốc học</i> ISSN: 2354-0321			1(31), tr.20-28	3, 2020
22	Thách thức chủ yếu đối với chủ nghĩa ở châu Âu trong trung hạn (2020-2025).	2	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			1(232), tr. 6-18	2020
23	Chủ nghĩa khu vực trong quan hệ quốc tế: một số vấn đề lịch sử, lý luận và thực tiễn.	2	x	<i>Tạp chí nghiên cứu châu Âu</i> ISSN: 0868-3581			9(240), tr.15-25	2020
24	Recognition and Intent-to Participate of Rural Migrants on Urban and Rural Exchange Business in Namhae County, South Korea.	4		<i>Journal of People, Plants, and Environment</i> Print ISSN: 2508-7673 Online ISSN: 2508-7681	Scopus (Q.3) https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21101038722&tip=sid&clean=0		Vol.24, No.3: tr.285-300	6, 2021

				DOI: https://doi.org/10.1162/8/ksppe.2021.24.3.285				
25	A social theory of resilience: The governance of vulnerability in crisis-era.	3		<i>European Journal of Cultural and Political Sociology</i> Print ISSN: 2325-4823 Online ISSN: 2325-4815 DOI: https://doi.org/10.1080/23254823.2021.1997616	Scopus (Q.1) https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100870605&tip=sid&clean=0		Vol.9, No.1, tr.112-132	2022
26	Việt Nam trong quan hệ với nhóm Bộ tứ từ năm 2020 đến nay.	2	x	<i>Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới</i> ISSN: 0868-2984			4(312), tr.43-52	4, 2022
27	India – Australia relations in the context of China’s rise.	5	x	Cogent Arts & Humanities Online ISSN: 2331-1983 DOI : https://doi.org/10.1080/23311983.2022.2089490	Scopus (Q.2) https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100775648&tip=sid&clean=0		Vol.9, 2022 - Issue 1	6, 2022
28	Japan’s Quiet Power: The Case of Tokyo’s Vaccine Diplomacy to Southeast Asia.	2	x	<i>Academic Journal of Interdisciplinary Studies</i> Print ISSN:2281-3993 Online ISSN: 2281-4612 DOI: https://doi.org/10.36941/ajis-2022-0113	Scopus (Q.2) https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100897507&tip=sid&clean=0		Vol.1 1, No.4, tr.248-257	5, 2022
29	Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc: Thành tựu,	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á ISSN: 2354-077X			10, tr.3-12	2022

	hạn chế và khả năng nâng tầm quan hệ.							
30	The Changing Approach of North Korea Towards America, South Korea and the Prospects of Inter-Korean Relations.	5	x	<i>Academic Journal of Interdisciplinary Studies</i> https://doi.org/10.36941/ajis-2022-0106 Print ISSN:2281-3993 Online ISSN: 2281-4612	Scopus (Q.2) https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100897507&tip=sid&clean=0		Vol.1 1, No.4, tr.162-171	5, 2022
31	Tương đồng và khác biệt trong cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc ở khu vực Nam Thái Bình Dương.	2	x	<i>Tạp chí Châu Mỹ ngày nay</i> ISSN: 2354-0745			1, tr.33-40	2023
Bài kỹ yếu hội thảo								
32	South Korea's New Southern Policy and trajectory issues in South Korea-Vietnam relations.	2	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: <i>"Korea Studies: Vietnam-Korea Strategic Cooperative Partnership 2009-2019"</i> , Bui Hai Dang et al., VNU-HCM Publishing House ISBN: 9786047373963			Tr.17-35	2019
33	Strategic competition with China and India's Act East policy.	2	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế: <i>"India – China strategic competition and its impacts on other countries"</i> , Tran Hoang Long, Social Science Publishing House. ISBN: 9786045990			Tr.113-123	2021
34	Việt Nam tham gia FTA thế hệ mới và một số tác động.	2		<u>Kỷ yếu hội thảo quốc gia</u> <i>Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA): Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i> , Bùi Hải Đăng, Trần			tr.27-56.	2023

				Nam Tiến, Huỳnh Tâm Sáng, NXB. ĐHQG-HCM, ISBN: 9786407394364				
35	Cạnh tranh Mỹ - Trung về trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực quân sự	2	x	<u>Kỷ yếu hội thảo quốc gia</u> <i>Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc trong lĩnh vực công nghệ cao,</i> Bùi Hải Đăng, Nguyễn Xuân Trung, Huỳnh Tâm Sáng, NXB. ĐHQG-HCM, ISBN: 9786047397075			tr.74-87.	2023
Chương sách								
36	Pandemic diseases : A Visible threat to Human Security and Regional Approaches	2	x	<u>Chương sách quốc tế:</u> “ <i>ASEAN Community and Managing Tradiional and Non-Traditional Security</i> ”, Kim Hyung Jong, Lee Jaehyon, Sejong Press ISBN: 9791159790287			Tr.165-184	2016
37	Chủ nghĩa khu vực Tây Âu	1	x	<u>Chương sách:</u> “ <i>Chủ nghĩa khu vực: Những vấn đề lý luận và thực tiễn</i> ”, Phạm Quang Minh (Chủ biên), NXB. ĐHQG-HN, ISBN: 9786046246077			Tr.173-211	2018

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế (Scopus) mà UV công bố sau khi được cấp bằng TS 06 bài: [20], [24], [25], [27], [28], [30]; trong đó có 03 bài mà UV là tác giả chính: [28], [29], [31] và là tác giả chính 01 chương sách quốc tế [36].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Hải Đăng